

Bản án số: 60/2019/HS-ST

Ngày: 09-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

Ông Phạm Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/Trần Ngọc S; sinh năm: 1989 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở: đường T, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Công L và bà: Trần Thị Ánh T; tiền án: 02 (ngày 30/7/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 112/2015/HSST, ngày 17/01/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 11/2017/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị bắt tạm giam ngày: 02/6/2019.

2/Phan Công T; sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường L, Phường T, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Thanh B (chết) và bà: Phan Thị Hồng Y

(chết); có vợ: Đặng Thục C và 02 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/02/2015, Tòa án nhân dân Quận 10 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng theo Quyết định số 29/QĐ-TA, ngày 06/3/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 66/2015/HSST); bị bắt tạm giam ngày: 02/6/2019.

(Các bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1/ Ông Nguyễn Minh T – Sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố H, tỉnh lộ B, phường B, quận D, TP.HCM.

1/ Ông Lưu Hòa T – Sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường P, Phường Y, quận B, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Công T và Trần Ngọc S là bạn bè quen biết từ trước. Biết S là người nghiện ma túy và nghiện game, nên T nói với S nếu trộm cắp được xe mô tô thì bán cho T, S đồng ý. S cho T số điện thoại di động của mình. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/5/2019, tại tiệm game bắn cá trên đường Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, S đón xe ôm đến khách sạn “Linh Giang” – địa chỉ: Số 855 đường Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10 gặp T. Khi đi qua trước nhà số 428 đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, S nhìn thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59X2-652.39 của anh Nguyễn Minh T dựng trên lề đường, không người trông coi, S nói tài xế xe ôm dừng xe, S đi bộ đến, lén lút dùng đoạn bẻ khóa bí công tắc điện và đem xe đến khách sạn “Linh Giang” bán cho T, T mua chiếc xe với 6.000.000 đồng nhưng nợ tiền, S đồng ý bán và để xe lại khách sạn “Linh Giang”.

Khoảng 21 giờ 13 phút, ngày 27/5/2019, S nhờ bạn của T (đối tượng nam tên L không rõ lai lịch, địa chỉ) sử dụng chiếc xe mô tô biển số 63FL-2917 (xe T mua của Nguyễn Công H) đi đến tiệm game bắn cá, S điều khiển chiếc xe này. Khi đến đường Hồ Thị Kỷ, Phường 1, Quận 10, S nhìn thấy xe mô tô hiệu Exciter, biển số 68M4-2192 của anh Lưu Hòa T dựng trước nhà 004 lô E, chung cư Lê Hồng Phong, Phường 1, Quận 10. S dừng xe và L giữ xe, còn S đi đến, dùng đoạn bẻ khóa và chạy xe của anh T về tiệm game bắn cá. Còn L chạy xe mô tô biển số 63FL-2917 về khách sạn “Linh Giang” trả xe cho T. Sau đó, S gọi

điện thoại cho T và nói mới lấy được chiếc xe Exciter, hỏi T mua với giá bao nhiêu. T đồng ý mua xe với giá 7.000.000 đồng. S yêu cầu T phải trả tiền mua chiếc xe mô tô biển số 59X2-652.39 thì mới đem xe đến, nếu không trả tiền thì S bán chỗ khác. T đồng ý.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 28/5/2019, Công an Quận 10 kiểm tra phòng 402 khách sạn “Linh Giang” – địa chỉ: Số 855 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, thu giữ của Phan Công T một số đồ vật có liên quan đến vụ “Trộm cắp tài sản” do Trần Ngọc S thực hiện, bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 3200, 01 máy mài điện sơn màu xanh, 01 chiếc xe biển số 63B3-402.46, 02 đầu đoản, 01 thẻ căn cước và 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Thị Thanh N, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Danh Hoàng A, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mang tên Chung Huỳnh Ngọc N, 01 chiếc xe biển số 59X2-652.39, 01 chiếc xe hiệu Wave RSX (không biển số) .

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/5/2019, thông qua T điện thoại nói S đến lấy tiền và giao xe. Khi S điều khiển xe mô tô biển số 68M4-2192 đến trước khách sạn “Linh Giang” thì bị Công an Quận 10 mời về làm việc; đồng thời thu giữ trong người S: 01 gói nylon (bên trong có nhiều hạt tinh thể đá màu trắng, S khai là ma túy tổng hợp), 01 dụng cụ thủy tinh (nổ), 01 tuýp hình chữ L, 02 đầu khóa mở ốc lục giác số 8 và 01 đầu dài 7cm một đầu lục giác số 8 một đầu dẹp nhọn, 1.500.000 đồng.

Vụ việc được Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Các tài sản bị chiếm đoạt là: 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59X2 - 652.39 trị giá 22.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 68M4 - 2192 trị giá 20.500.000 đồng, tổng tài sản trên có giá 42.500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả 02 chiếc xe trên cho anh Lưu Hòa T và Nguyễn Minh T1. Nhận lại tài sản, các anh T, T1 không có yêu cầu gì khác.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Trần Ngọc S, Phan Công T khai nhận hành vi phạm như trên.

Ngoài ra, Phan Công T khai có mua của Nguyễn Công H một chiếc xe hiệu Wave biển số 63FL-2917 (xe do Trương Tất S và Nút Kim S trộm cắp tại số 793/28A đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7). Đối với vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 xử lý theo thẩm quyền.

Về số ma túy thu giữ của Trần Ngọc S, S khai mua của đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại tiệm game trên đường Nguyễn Biểu, Phường 1, Quận 5, mục đích để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã ra quyết định trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 1182/KLGD-H ngày 05/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trần Ngọc S, Nguyễn Chí T (Điều tra viên) và hình dấu Công an Phường 12, Quận 10 có khối lượng 0,5483g là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với: Trần Ngọc S về các hành vi “Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Phan Công T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Đối với: 01 chiếc xe biển số 63B3-402.46, 02 đầu đoản, 01 thẻ căn cước và 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Thị Thanh N, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Danh Hoàng A, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy đăng ký xe mang tên Chung Huỳnh Ngọc N; là các tài sản, tài liệu của các cá nhân liên quan đến các vụ án “Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản” tại các địa bàn quận Tân Bình, Bình Tân, huyện Bình Chánh; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho các chủ sở hữu và chuyển tin báo tội phạm đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Bình Tân, huyện Bình Chánh để tiếp nhận, điều tra theo thẩm quyền.

Đối với: 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H, 01 chiếc xe hiệu Wave RSX (không biển số), hiện chưa liên lạc được chủ sở hữu cũng như chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tách ra, tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Lộc, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục xét, khi nào phát hiện, làm rõ, xử lý sau.

Đối với đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) bán ma túy cho S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục truy xét, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Trần Ngọc S về các tội: “Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Phan Công T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2, 5 Điều 173; điểm g khoản 2, 5 Điều 249; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Trần Ngọc S: Từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù và miễn áp dụng hình phạt bổ sung về tội “Trộm cắp tài sản”, 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù và phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Phan Công T: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân

Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, bản kết luận giám định về ma túy, hình ảnh camera ghi hình, biên bản nhận dạng, biên bản thực nghiệm điều tra, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo đã thỏa thuận từ trước, thống nhất ý chí hành động như sau: Bị cáo S đi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo T mua lại tài sản (mà biết trước là tài sản S trộm cắp được) và sự thỏa thuận này được xác lập trong nhiều lần, cụ thể S, T đã thống nhất ý chí hành động chiếm đoạt các tài sản có tổng giá trị 42.500.000 đồng; nên bị cáo T bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Riêng bị cáo S còn có hành vi cất giữ trái phép: 0,5483g loại Methamphetamine, nhằm mục đích để sử dụng, chiếu theo danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành theo Nghị định số: 82/2013/NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ thì đó là chất ma túy ở thể rắn; ngoài ra bị cáo S còn nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 30/7/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 17/01/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã bị kết án thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện các tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do cố ý, các hành vi này là tái phạm nguy hiểm theo khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), nên bị cáo S bị truy tố và xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bị cáo T còn có đặc điểm nhân thân: Ngày 02/02/2015, Tòa án nhân dân Quận 10 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, ngày 06/3/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tất cả đã được xóa tiền sự, tiền án). Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung tương ứng từng tội danh đối với bị cáo S, nộp ngân sách Nhà nước và áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt chính, bổ sung, buộc bị cáo S chấp hành hình phạt chung của hai tội.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản từ 02 lần trở lên (mỗi lần trên 2.000.000 đồng) do vậy bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, giao trả cho các bị hại), bị cáo T đã tích cực hợp tác cơ quan điều tra truy bắt tội phạm (S); do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s, h, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T do đã được xóa án tích.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Các tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho các bị hại, các bị hại không có yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2300 (số Imel:352543005800795, sim số 0906716162) (dùng để liên lạc bàn bạc mua xe trộm cắp với S), 01 máy mài điện sơn màu xanh hai đầu gắn hai cục đá mài (có thông số HP1/4, Volt 220, RPM 2850, Amper 1, Cycle 50Hz, Phase 1) (mài các đầu đoạn khóa để mở xe); là phương tiện dùng vào việc phạm tội; vậy căn

cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 02 đầu đoản, 01 dụng cụ thủy ninh (nỏ) dùng để chơi “đá” dài 12cm, 01 tuýp hình chữ L, hai đầu khóa mở ốc lục giác số 8 và một đầu dài 7cm một đầu lục giác số 8 một đầu dẹp nhọn, 03 ổ khóa xe bị hư (bị khóa); không đáng giá trị; vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 gói nylon (bên trong có ma túy đá); là vật lưu hành bất hợp pháp; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy.

- Riêng đối với: 1.500.000 đồng thu giữ từ bị cáo S, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội hay phạm tội mà có; vậy căn cứ Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, kê biên lại để đảm bảo việc thi hành đối với bị cáo S;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Trần Ngọc S phạm các tội “Trộm cắp tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Phan Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm c khoản 2, 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm g khoản 2, 5 Điều 249; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Ngọc S;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S: 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

Phạt bổ sung đối với bị cáo S: 10.000.000 (mười triệu) đồng về tội “Trộm cắp tài sản”, 10.000.000 (mười triệu) đồng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt bổ sung chung của hai tội là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Công T;

Xử phạt bị cáo Phan Công T: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2300 (số Imel:352543005800795, sim số 0906716162), 01 máy mài điện sơn màu xanh hai đầu gắn hai cục đá mài (có thông số HP1/4, Volt 220, RPM 2850, Amper 1, Cycle 50Hz, Phase 1).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 02 đầu đoản, 01 dụng cụ thủy ninh (nỏ)dùng để chơi “đá” dài 12cm, 01 tuýp hình chữ L, hai đầu khóa mở ốc lục giác số 8 và một đầu dài 7cm một đầu lục giác số 8 một đầu dẹp nhọn, 03 ổ khóa xe bị hư (bi khóa).

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, tiêu hủy: 01 gói nylon (bên trong có ma túy đá).

- Căn cứ Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, kê biên lại để đảm bảo việc thi hành đối với bị cáo S, cụ thể kê biên: 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/9/2019 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo S chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật